

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 226/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa chị
H và anh Q

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 20-7-2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03 tháng 7 năm 2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trần Minh Q đăng ký kết hôn ngày 08-5-2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại xóm N, xã H, huyện H, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H đi làm vất vả, anh Q không giúp đỡ chị việc gia đình mà còn trách móc chị không quan tâm gì đến chồng con và còn nghi ngờ chị có quan hệ với người khác nên có những lời lẽ không tôn trọng chị. Hơn nữa, anh Q đi làm

nhưng không đem tiền về chăm lo cho vợ con. Trong sinh hoạt hàng ngày vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau nên cuộc sống chung rất nặng nề. Đã nhiều lần chị bỏ qua và khuyên bảo anh Q để vợ chồng lo làm kinh tế và nuôi dạy con cái nhưng anh Q không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ trách nhiệm, tình cảm kể từ năm 2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị H đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Trần Minh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Minh H, sinh ngày 24-7-2014 và cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27-10-2017, hiện nay cả hai con chung đang sống cùng chị H, anh Q. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu N, cháu H để anh Q nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh Q không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc nên chị Nguyễn Thị H không đến Tòa án làm việc được, chị H giữ nguyên lời khai và đề nghị xin được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

** Quá trình tố tụng bị đơn - anh Trần Minh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q xác nhận lời khai của chị H về thời gian tìm hiểu, kết hôn và quá trình chung sống. Anh Q công nhận trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H không quan tâm chăm lo gia đình, thường lạnh nhạt với chồng con và chị H có biểu hiện không chung thủy. Hàng ngày chị luôn để nhà cửa bừa bộn nên mỗi khi đi làm về anh đã có những lời lẽ không đúng với chị. Do vậy vợ chồng có xảy ra xích mích và cãi chửi nhau nhưng theo anh đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của vợ chồng nay chị H làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí, mong Tòa án xem xét để vợ chồng được về đoàn tụ. Nhưng nếu chị H quyết tâm ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Minh H, sinh ngày 24-7-2014 và Trần Bảo N, sinh ngày 27-10-2017, hiện nay cả hai con chung đang sống cùng anh chị. Nếu bắt buộc phải ly hôn, anh Q có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H, để chị H nuôi dưỡng cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai.

Anh Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho anh và chị H được đoàn tụ để nuôi dạy các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa theo đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh Q trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định tổ chức đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 5 năm 2013 là hoàn toàn hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thường xuyên chia sẻ, không quan tâm tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Anh Q nghi ngờ chị H có biểu hiện không chung thủy. Vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt hiệu quả. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm gì đến nhau nên từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau và được chính quyền địa phương xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị cho chị được ly hôn với anh Q.

Anh Q xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh mong muốn chị H bỏ qua để vợ chồng được đoàn tụ và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên anh Q không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn. Nếu chị H quyết tâm ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Q là sâu sắc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị H để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Minh H, sinh ngày 24-7-2014 và Trần Bảo N, sinh ngày 27-10-2017, hiện nay cả hai con chung đang sống cùng vợ chồng. Khi ly hôn, chị H anh Q có quan điểm thống nhất: Giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh Q nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau mà tự có trách nhiệm đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay: Chị H đi làm công ty, anh Q làm công việc trang điểm cô dâu và tổ chức đám cưới đều có thu nhập. Nguyên vọng của các bên về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 24-7-2014 cho anh Q nuôi dưỡng trực tiếp, giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27-10-2017 cho chị H nuôi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau mà được thực hiện quyền thăm con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản và công nợ chung: Chị H và anh Q khai nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh Q.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 24-7-2014 cho anh Trần Minh Q nuôi dưỡng trực tiếp, giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 27-10-2017 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau mà được quyền và có nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được gây khó khăn cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0002235 ngày 20-7-2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 01 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Dương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga